TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS - ST
Ngày 30/5/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Sửu và bà Nguyễn Thị Huyền.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Hà Văn Thiết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát không tham gia phien tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2018/TLST-DS ngày 17/4/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-DSST ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953,Trú quán: Bản Đ, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1980 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1982. Đều trú tại: Bản Chiềng H, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T địa chỉ tại bản Chiềng H, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La có nợ ông Nguyễn Văn T hai khoản nợ:

Khoản thứ nhất: Khoản tiền mua thức ăn chăn nuôi số tiền 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng) có làm giấy biên nhận nợ tiền đầu tư cám ngày 30/7/2017 hạn trả nợ vào ngày 30/02/2018.

Khoản thứ hai: Vào ngày 30/11/2017 vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T có vay tiền ông Nguyễn Văn T số tiền là 100.000.000đ(một trăm triệu đồng) với lãi suất là 1,5%/tháng và thời hạn trả nợ vào ngày 30/02/2018.

Tổng số tiền ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T còn nợ ông Nguyễn Văn T cả hai khoản nợ là 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng) với lãi suất là 1, 5%/tháng. Hai bên thỏa thuận hẹn trả nợ vào ngày 30/02/2018, đến hẹn trả nợ không thấy ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T trả nợ, ông T có đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm trả tiền nợ gốc cho ông T 215.000.000đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng) và lãi xuất 1,5%tháng từ ngày 05/5/2017 cho đến nay.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Vào ngày 01/02/2017 gia đình có vay tiền của ông Nguyễn Văn T ở bản Đ, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) với lãi suất theo thỏa thuận là 1,5%/tháng, trong đó đã trả được số tiền lãi cho ông Nguyễn Văn T tính đến ngày 30/11/2017 và còn nợ ông Nguyễn Văn T số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ngoài số tiền vay trên gia đình còn nợ tiền cám lợn chỗ ông Nguyễn Văn T ngày 30/7/2017 là 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng) với lãi suất là 1%/tháng, trong khi gia đình đang lấy cám của ông Nguyễn Văn T thì ông T dừng lại không cung cấp cám cho gia đình. Khi đó gia đình đang nuôi gần 100 con lợn trọng lượng khoảng 50 – 60kg, vì không có thức ăn nên đàn lợn của gia đình đã chết hết. Nên gia đình quá khó khăn về số tiền lãi gia đình ông S xin ông Nguyễn Văn T bớt cho số lãi, còn số tiền gốc gia đình sẽ thu xếp trả nợ dần cho ông Nguyễn Văn T mỗi năm là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Vào ngày 01/02/2017 gia đình có vay tiền của ông Nguyễn Văn T ở bản Đ, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) với lãi xuất theo thỏa thuận là 1,5%/tháng, trong đó đã trả được số tiền lãi cho ông Nguyễn Văn T tính đến ngày 30/7/2017 và còn nợ ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ngoài số tiền vay trên gia đình còn nợ tiền cám lợn chỗ ông Nguyễn Văn T ngày 30/7/2017 là 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng) với lãi xuất là 1%/tháng, trong khi gia đình đang lấy cám của ông Nguyễn Văn T thì ông Tảo dừng lại không cung cấp cám cho gia đình. Khi đó gia đình đang nuôi gần 100 con lợn, mỗi con trọng lượng khoảng 50 – 60kg, vì không có thức ăn nên đàn lợn của gia đình đã chết hết. Nên gia đình quá khó khăn về số tiền lãi tôi xin ông Nguyễn Văn T số lãi chậm trả, còn số tiền gốc gia đình sẽ thu xếp trả nợ dần cho ông Nguyễn Văn T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân không tham gia phiên tòa vì Tòa án không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về tố tụng:*Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa vì Tòa án không điều tra xác minh thu thập chứng cứ mà chỉ dựa vào các căn cứ do các bên đương sự cung cấp, nên phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Thể hiện trong giấy biên nhận nợ tiền đầu tư cám ngày 30/7/2017 và giấy vay tiền ngày 30/11/2017 là hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản. Tòa xác định trong vụ án này có 02 quan hệ pháp luật " tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" cần áp dụng các quy định về hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] *Về tư cách những người tham gia tố tụng:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T khởi kiện ông Nguyễn Văn S và vợ là Phạm Thị T hai người đều xác nhận là có nợ ông Nguyễn Văn T số tiền là 215.000.000đ (hai trăm mười lăm triệu đồng) ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T tham gia tố tụng với tư cách là đồng bị đơn.

[4] *Về nội dung tranh chấp:*

Khoản thứ nhất: Việc mua bán tài sản (Mua bán cám chăn nuôi) giữa ông Nguyễn Văn T với vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T là có thực tế, hai bên đã ký kết với nhau theo giấy biên nhận nợ tiền đầu tư cám ngày 30/7/2017 số tiền 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng) tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải và tại phiên tòa vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị T công nhận điều đó. Vậy Ông S, bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho ông Nguyễn Văn T. Theo sự thỏa thuận giữa các bên ông S và bà T hẹn trả nợ vào ngày 30/02/2018, nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 BLDS năm 2015 quy đinh: " Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"*. Điều 357 BLDS quy đinh: *" 1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này." Như vậy giấy ghi nhận nợ tiền mua cám ngày 30/7/2017 giữa hai bên chỉ thể hiện số nợ và ngày hẹn trả nợ số tiền trên, chứ không thỏa thuận về lãi suất nên tòa chấp nhận mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS cụ thể như sau: Mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS là 20%/năm tương đương với 1,66%/tháng. Mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS là 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS (tức là 1,66% : 2 = 0,83%/tháng). Theo quy định trên cần buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T trả số tiền gốc 115.000.000đồng (một trăm

mười lăm triệu đồng) với lãi suất đối với số tiền chậm trả với thời gian chậm trả từ ngày 30/2/2018 cho đến ngày xét xử 30/5/2018 là 03 tháng cụ thể như sau:

115.000.000đồng x 0,83% x 03 tháng = 2.863.500đồng. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 30/5/2018 là: 115.000.000đồng + 2.863.500đồng = 117.863.500đồng (một trăm mười bảy triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng). Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Sơn và bà Phạm Thị Toàn đề nghị không tính lãi suất trên số tiền gốc trên là không đúng với quy định của pháp luật nên tòa không chấp nhận.

*Khoản thứ hai:

Thực tế ông Nguyễn Văn T cho ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T vay số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) là có thực tế vì tại phiên tòa ông T và ông S, bà T đều công nhận với nhau thể hiện ở giấy vay tiền ngày 30/11/2018. Trước tòa ông Tảo đề nghị ông S, bà T phải trả cho ông số tiền gốc 100.000.000đồng với lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 30/11/2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên của ông T là có căn cứ phù hợp với pháp luật vì mức lãi suất ông T đưa ra 1,5%/tháng chưa vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Vì vậy Tòa án chấp nhận đề nghị trên của ông Nguyễn Văn T buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc và lãi suất cụ thể như sau:

-Tiền lãi suất từ ngày 30/11/2017 đến ngày 30/05/2018 là 06 tháng:

100.000.000đồng x 1,5% x 06 tháng = 10.200.000đồng.

-Tổng số tiền gốc và lãi từ ngày 30/11/2017 đến 30/5/2018, ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn T:

100.000.000đồng + 10.200.000đồng = 110.200.000đồng (Một trăm mười triệu hai trăm nghìn đồng).

Như vậy tính đến ngày 30/5/2018 ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả 02 khoản tiền nợ gốc và lãi suất: 117.863.500đồng + 110.200.000đồng = 228.063.500đồng (hai trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng)

[5] *Về án phí:* Lẽ ra ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T cùng phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa ông S, bà T xuất trình giấy chứng nhận hộ nghèo và đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí, vì vậy căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cần tuyên miễn nộp tiền án phí cho ông S, bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430 khoản 3 Điều 440, Điều 357, Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T xử buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn T hai khoản nợ tổng số tiền cả gốc và lãi xuất tính đến ngày 30/5/2018 là 228.063.500đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng).

" Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015".

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.568.000 đồng (năm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số: 0000015 ngày 17/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Châu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30/5/2018 các đương sự ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát 2 cấp;
-Các đương sự;
-Chi cục thi hành án dân sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Văn Bình